TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 8 – 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Giang.
2. Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2024/TLST - HNGĐ ngày 28/6/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc T, sinh năm 2002; Địa chỉ: ấp Cái C, xã Tân H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp Cái Đ, xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Ngọc T và anh Nguyễn Chí N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào năm 2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng được một thời gian, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân theo chị T trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N ham chơi không lo cho gia đình dẫn đến việc vợ chồng thường hay cải vã với nhau, từ đó đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung, chị T khai có 01 người con là Nguyễn Chí Viễn, sinh ngày 01/4/2024. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị T khai không có.

Đối với anh Nguyễn Chí N (bị đơn), tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc T (nguyên đơn), riêng chị T đã có lời khai và nộp đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 05/7/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, riêng nguyên đơn đã có lời khai và nộp đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt với lý do đang nuôi con nhỏ và bận công việc làm ăn không thể tham gia phiên tòa được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2022 nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do bị đơn không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn được chấp nhận.

Cũng chính từ mâu thuẫn trên, các đương sự mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai nên có căn cứ để nhận định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn là có cơ sở.

[3] Về con chung là Nguyễn Chí Viễn, sinh ngày 01/4/2024. Khi ly hôn, nguyên đơn có yêu cầu được nuôi và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, riêng bị đơn cũng không có ý kiến gì về yêu cầu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Do bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nên chưa có cơ sở để khẳng định việc giao con cho bị đơn nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con. Hơn nữa, cháu Viễn hiện dưới 36 tháng tuổi nên đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc nguyên đơn yêu cầu được nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng nguyên đơn không đặt ra yêu cầu – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nguyên đơn xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, nguyên đơn khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Ngọc T về việc xin ly hôn anh Nguyễn Chí N.

- Về con chung là Nguyễn Chí Viễn, sinh ngày 01/4/2024. Khi ly hôn, tiếp tục giao con cho chị Lê Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Nguyễn Chí N cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Chí N có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, chị Lê Ngọc T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Lê Ngọc T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 24/6/2024, chị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003630 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị T, anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Tân H,
H. Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân